

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN

TÂN VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 885/2025/CBTT-TVSI

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SGDCK VIỆT NAM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

- Tên công ty chứng khoán: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
- Mã chứng khoán (nếu có): Không
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 3728 0921 Fax: 024 3728 0920
- E-mail: contact@tvsj.com.vn
- Website: <https://www.tvsj.com.vn/>
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Cẩm Hạnh
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên 2025 đã soát xét; Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2025 trước và sau khi kiểm toán.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/8/2025 tại đường dẫn: <https://www.tvsj.com.vn/financial-report.html>.
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2025;
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2025 trước và sau khi kiểm toán.



TRẦN THỊ CẨM HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	15 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Thành viên
Bà Tạ Thị Mai Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Minh Hạnh	Trưởng ban
Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến	Thành viên
Ông Trần Duy Hưng	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Phí Thị Bích Ngọc

(*) Theo giấy Ủy quyền số 672/2025/UQ-KTT ngày 23/06/2025, ông Nguyễn Minh Tiến thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến chức danh Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Cẩm Hạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Cẩm Hạnh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 898/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13/08/2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tại Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại nhiều lần với các nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 30/06/2025 là trên 8.638 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là khoảng trên 10.002 tỷ đồng) (trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 mà chưa thanh toán được khoảng trên 8.638 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2025 là trên 10.002 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các nhà đầu tư là sẽ không thực hiện giao dịch này, đồng thời đang thực hiện đàm phán lại với các nhà đầu tư về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành nhưng việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này và đã trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện được khoảng 691 tỷ đồng (số đã trích lập tại 01/01/2025 khoảng 711 tỷ đồng). Do đó, các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng; và số dư chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được. Tại ngày 30/06/2025: số dư tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được là khoảng 1.625,34 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 889,68 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736,66 tỷ đồng; số dư chứng chỉ tiền gửi không giao dịch được của Công ty tại SCB là khoảng 29,3 tỷ đồng.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.002.623.406.529	4.005.594.771.497
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		3.992.670.812.489	3.999.967.574.913
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.986.081.161.601	1.872.553.813.578
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>1.886.081.161.601</i>	<i>1.857.553.813.578</i>
Các khoản tương đương tiền	111.2		100.000.000.000	15.000.000.000
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	1.630.071.212.420	1.734.065.835.867
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	200.000.000	-
Các khoản cho vay	114	8	380.122.185.361	408.445.226.758
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(6.097.092.540)	(16.794.471.751)
Các khoản phải thu	117	9	1.208.590.227	89.453.877
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>1.208.590.227</i>	<i>89.453.877</i>
Trả trước cho người bán	118	9	1.852.562.830	2.390.473.923
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	3.311.482.362	3.291.505.151
Các khoản phải thu khác	122	9	30.792.007.400	31.361.114.780
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(34.871.297.172)	(35.435.377.270)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		9.952.594.040	5.627.196.584
Tạm ứng	131		341.554.614	356.554.614
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		907.739.276	1.002.148.627
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	8.702.982.487	4.268.493.343
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		317.663	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.094.429.502	30.028.062.612
Tài sản cố định	220		1.968.060.255	5.869.212.267
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.088.225.765	3.947.277.184
- Nguyên giá	222		54.595.604.012	54.205.627.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(53.507.378.247)	(50.258.349.907)
Tài sản cố định vô hình	227	12	879.834.490	1.921.935.083
- Nguyên giá	228		28.244.730.912	27.998.146.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(27.364.896.422)	(26.076.211.829)
Tài sản dài hạn khác	250		23.126.369.247	24.158.850.345
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.695.696.300	2.665.196.300
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	430.672.947	266.535.045
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	20.000.000.000	21.227.119.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.027.717.836.031	4.035.622.834.109

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		790.867.706.100	819.008.751.642
Nợ phải trả ngắn hạn	310		779.679.417.046	805.298.221.068
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	33.869.125.091	33.491.220.485
Phải trả người bán ngắn hạn	320		35.456.950	414.909.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.361.000.000	1.434.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	5.961.449.347	4.627.508.247
Phải trả người lao động	323		5.307.142.943	11.402.512.567
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.061.846.556	851.375.651
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	14.757.663.773	15.632.986.212
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		191.074.344	362.132.521
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	697.237.659.423	717.184.577.766
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		19.896.998.619	19.896.998.619
Nợ phải trả dài hạn	340		11.188.289.054	13.710.530.574
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	11.188.289.054	13.710.530.574
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.236.850.129.931	3.216.614.082.467
Vốn chủ sở hữu	410	20	3.236.850.129.931	3.216.614.082.467
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	417		537.696.363.017	517.460.315.553
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		526.653.717.616	494.070.858.854
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		11.042.645.401	23.389.456.699
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		4.027.717.836.031	4.035.622.834.109

Nguyễn Minh Tiến
Phó phòng Tài chính Kế toán



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
Ngoại tệ các loại	005		140,74	147,37
Cổ phiếu đang lưu hành	006		263.900.000	263.900.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	34.605.410.000	21.245.940.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	1.375.513.240.000	1.497.088.140.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		201.000.000	40.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23	4.107.819.460.000	4.349.622.310.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.860.717.260.000	3.842.052.240.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		60.171.090.000	62.234.600.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		153.550.000.000	410.745.170.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		21.881.560.000	21.882.520.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		11.499.550.000	12.707.780.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	26.056.930.000	27.367.930.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		26.041.930.000	27.352.930.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		15.000.000	15.000.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	25	26.305.320.000	12.010.470.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	26	19.636.590.000	9.700.290.000
Tiền gửi của khách hàng	026	27	383.629.760.297	262.446.537.338
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		351.278.413.732	261.246.406.129
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		32.351.346.565	1.200.131.209
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		27.855.003.095	135.394.283
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		4.496.343.470	1.064.736.926
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	383.629.760.297	262.446.537.338

Nguyễn Minh Tiến
Phó phòng Tài chính Kế toán



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		13.721.290.234	74.798.289.188
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	29	1.676.576.985	1.433.937.467
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	30	(15.946.963.578)	30.595.524.390
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	31	27.991.676.827	42.768.827.331
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	1.395.561.380	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	12.962.485.584	14.741.819.281
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		16.134.999.032	17.976.113.596
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		5.109.115.456	4.646.213.032
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		181.818.181	459.090.908
Thu nhập hoạt động khác	11		8.645.500	1.999.685
Cộng doanh thu hoạt động	20		49.513.915.367	112.623.525.690
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		2.636.414.310	(8.010.631.545)
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	29	3.699.852.268	899.842.332
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	30	(1.077.910.760)	(8.910.473.877)
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		14.472.802	-
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(10.697.379.211)	(260.223.140)
Chi phí hoạt động tự doanh	26		10.690.222	3.376.756
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	32	42.252.807.779	47.637.435.868
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	32	752.061.329	808.715.274
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	32	1.579.302.466	1.730.129.510
Cộng chi phí hoạt động	40		36.533.896.895	41.908.802.723
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	33	366.861.210	860.203.340
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		366.861.210	860.203.340
Chi phí bán hàng	61	34	5.436.685.736	5.238.698.547
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	35	(9.803.487.055)	77.287.233.433
Kết quả hoạt động	70		17.713.681.001	(10.951.005.673)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		124.945	153.459.822
Chi phí khác	72		2	304.554.821
Cộng kết quả hoạt động khác	80		124.943	(151.094.999)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		17.713.805.944	(11.102.100.672)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		32.582.858.762	(50.608.098.939)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(14.869.052.818)	39.505.998.267
Chi phí thuế TNDN	100		(2.522.241.520)	11.014.877.429
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	36	-	3.498.788.031
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	37	(2.522.241.520)	7.516.089.398
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		20.236.047.464	(22.116.978.101)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	38	77	(84)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		77	(84)

Nguyễn Minh Tiến
Phó phòng Tài chính Kế toán



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		17.713.805.944	(11.102.100.672)
Điều chỉnh cho các khoản:	02		(6.723.746.376)	7.787.768.959
- Khấu hao TSCĐ	03		4.537.712.933	8.047.992.099
- Các khoản dự phòng	04		(11.261.459.309)	(260.223.140)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(1.077.910.760)	(8.910.473.877)
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(1.077.910.760)	(8.910.473.877)
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		15.946.963.578	(30.595.524.390)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		15.946.963.578	(30.595.524.390)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		88.304.796.558	60.724.666.327
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		89.125.570.629	84.956.561.994
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		(200.000.000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		28.323.041.397	(98.678.434.187)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(1.119.136.350)	4.941.000
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(19.977.211)	54.577.084
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		569.107.380	(322.425.126)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		647.002.781	123.064.735
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(875.322.439)	(1.492.074.357)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(4.598.627.046)	(3.676.799.820)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(510.751.106)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(1.547.444)	(807.879.078)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		210.470.905	623.956.114
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		1.333.941.100	8.747.005.077
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(6.095.369.624)	(5.935.702.844)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(20.190.976.520)	75.763.696.400
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		1.227.119.000	3.430.915.441
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(30.500.000)	(1.555.985.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		114.163.908.944	17.904.336.347

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(636.560.921)	(216.324.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	85.681.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(636.560.921)	(130.642.182)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		113.527.348.023	17.773.694.165
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		1.872.553.813.578	1.940.920.298.451
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	1.986.081.161.601	1.958.693.992.616

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		4.382.939.553.495	4.700.731.872.340
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(4.364.782.734.292)	(3.583.096.016.520)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		5.962.906.004.730	4.444.097.481.957
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(5.859.085.604.990)	(5.491.825.086.509)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(793.995.984)	(1.750.899.260)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		3.958.811.967.579	3.320.236.499.149
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(3.958.811.967.579)	(3.320.236.499.149)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		121.183.222.959	68.157.352.008
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		262.446.537.338	267.792.856.114
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		262.446.537.338	267.792.856.114
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		261.246.406.129	232.488.057.241
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		1.200.131.209	35.304.798.873
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		383.629.760.297	335.950.208.122
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42		351.278.413.732	334.835.691.021
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		32.351.346.565	1.114.517.101

Nguyễn Minh Tiến
Phó phòng Tài chính Kế toán



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2024		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		Tại 30/06/2024	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25.576.883.457	25.576.883.457	-	-	-	-	25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	34.576.883.457	34.576.883.457	-	-	-	-	34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	585.936.219.756	517.460.315.553	31.989.908.869	54.106.886.970	32.582.858.762	12.346.811.298	563.819.241.655	537.696.363.017
- Lợi nhuận đã thực hiện	601.972.312.817	494.070.858.854	-	54.106.886.970	32.582.858.762	-	547.865.425.847	526.653.717.616
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(16.036.093.061)	23.389.456.699	31.989.908.869	-	-	12.346.811.298	15.953.815.808	11.042.645.401
Cộng	3.285.089.986.670	3.216.614.082.467	31.989.908.869	54.106.886.970	32.582.858.762	12.346.811.298	3.262.973.008.569	3.236.850.129.931



Nguyễn Minh Tiến
Phó phòng Tài chính Kế toán

Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102117529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 12/04/2025. Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.639.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 206 người (tại ngày 01/01/2025 là 264 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, , Thành phố Hà Nội. Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các Chi nhánh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt	Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 1 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Đà Nẵng	115 Lê Lợi, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3-4-5, 66 Phó Đức Chính, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân giá quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu

Trong quá trình kinh doanh trái phiếu, nếu xảy ra sự kiện vi phạm cam kết của Công ty đối với khách hàng, Công ty sẽ căn cứ vào cam kết tại các hợp đồng liên quan và tình hình thực tế trong quá khứ giải quyết các tranh chấp để tính toán giá trị rủi ro cần lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang bị phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng dẫn đến việc không thực hiện được các Hợp đồng mua trái phiếu đến hạn, cũng như bị gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty cho rằng đây là một trong những sự kiện bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng mua bán Trái phiếu. Đồng thời để giải quyết các tranh chấp (nếu có) đối với các nhà đầu tư có thể sẽ kéo dài Công ty đã trích lập dự phòng ở mức độ 100% giá trị tối đa mức phạt vi phạm hợp đồng đã ký kết. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bởi các cơ quan có thẩm quyền, Công ty sẽ ghi nhận tổn thất theo giá trị thực tế phát sinh.

Thực tế, trong thời gian qua Công ty đã thực hiện đàm phán và xử lý với các nhà đầu tư về xử lý các tranh chấp tương tự với tổng mệnh giá các trái phiếu khoảng 20.364 tỷ đồng mà không phát sinh chi phí phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường. Do đó, Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng nêu trên đã xem xét đến tính thận trọng trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được quy định tại Thông tư số 58/2021/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ Tài chính ban hành, theo đó:

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Trung tâm Lưu ký chứng khoán sau khi được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trước khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Thu nhập hoạt động khác:

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.868.473.369.919	1.856.024.021.862
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	17.607.791.682	1.529.791.716
Tương đương tiền	100.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	1.986.081.161.601	1.872.553.813.578

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng đang bị phong tỏa, không giao dịch được. Tại ngày 30/06/2025, số dư tiền gửi của Công ty tại SCB đang bị phong tỏa, không giao dịch được là khoảng 1.625,34 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 889,68 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736,66 tỷ đồng.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	4.419.722	221.763.386.254
- Cổ phiếu	2.960.961	77.335.999.700
- Trái phiếu	1.458.761	144.427.386.554
- Chứng chỉ quỹ	-	-
Của nhà đầu tư	476.671.855	13.281.499.172.022
- Cổ phiếu	430.679.768	8.821.539.495.017
- Trái phiếu	45.992.087	4.459.959.677.005
Cộng	481.091.577	13.503.262.558.276

Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	2.184.021	169.569.942.667
- Cổ phiếu	809.370	30.657.230.000
- Trái phiếu	1.374.651	138.912.712.667
- Chứng chỉ quỹ	-	-
Của nhà đầu tư	490.981.531	13.046.867.456.082
- Cổ phiếu	464.757.597	10.489.322.570.920
- Trái phiếu	26.223.934	2.557.544.885.162
Cộng	493.165.552	13.216.437.398.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chi tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL	1.607.840.277.965	1.630.071.212.420	1.696.965.848.594	1.734.065.835.867
Cổ phiếu	209.980.671.547	250.364.206.002	176.204.733.155	231.457.320.428
+ Cổ phiếu niêm yết	100.622.209.713	147.126.177.100	72.047.315.935	137.759.982.700
+ Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	109.358.461.834	103.238.028.902	104.157.417.220	93.697.337.728
Trái phiếu	1.368.487.820.577	1.350.335.220.577	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598
+ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	1.368.487.820.577	1.350.335.220.577	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598
Chứng chỉ tiền gửi (***)	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
Cộng	1.607.840.277.965	1.630.071.212.420	1.696.965.848.594	1.734.065.835.867

(*) Bao gồm: 10% phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt tại Công ty TNHH bảo hiểm FWD Việt Nam với giá trị ghi sổ là 101.728.727.975 đồng bị kê biên để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn theo Bản án hình sự phúc thẩm Vụ án Trương Mỹ Lan và các bị cáo khác - Giai đoạn 2 số 259/2025/HS-PT ngày 21/04/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

(**) Đến thời điểm lập báo cáo này trong số trái phiếu Công ty nắm giữ bao gồm các khoản trái phiếu quá hạn thanh toán lãi với giá trị gốc trái phiếu khoảng 1.078 tỷ đồng. Các trái phiếu này đều có tài sản đảm bảo và Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi nên chưa trích lập dự phòng đối với các trái phiếu này.

(***) Khoản chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) không giao dịch được (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin)	367.027.423.874	360.930.331.334	394.384.596.026	377.590.124.275
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	13.094.757.370	13.094.757.370	14.060.626.615	14.060.626.615
+ Cho vay quyền mua chứng khoán	4.117	4.117	4.117	4.117
Cộng	380.122.185.361	374.025.092.821	408.445.226.758	391.650.755.007

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 30/06/2025 là 6.097.092.540 VND (tại ngày 01/01/2025 là 16.794.471.751 VND).

(i): Hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư:

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25/01/2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty tính làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 30/06/2025 là 875.428.542.628 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 889.919.632.656 đồng).

(ii): Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán:

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T") và ngày T+1, hoặc theo quy định tại phụ lục hợp đồng trái phiếu. Các khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả vào ngày T+2 và thực hiện theo điều khoản của hợp đồng.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.208.590.227	89.453.877
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	771.850.500	58.221.000
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	436.739.727	31.232.877
Phải thu bán các tài sản tài chính (cổ phiếu)	1.852.562.830	2.390.473.923
Trả trước cho người bán	1.852.562.830	2.390.473.923
Trong đó, phải thu khó đòi	929.620.330	929.620.330
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.311.482.362	3.291.505.151
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	120.219.590	55.242.379
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	91.262.772	91.262.772
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	-	45.000.000
Trong đó, phải thu khó đòi	3.191.262.772	3.191.262.772
Phải thu khác	30.792.007.400	31.361.114.780
Ông Nguyễn Minh Dương	30.747.645.347	31.311.725.445
Các khoản phải thu khác	44.362.053	49.389.335
Trong đó, nợ phải thu khó đòi	30.750.414.070	31.314.494.168
Cộng	37.164.642.819	37.132.547.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			
			Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
		VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		3.191.262.772	-	-	3.191.262.772	3.191.262.772
Công ty CP Du lịch và Đầu tư Xây dựng Châu Á		3.100.000.000		-	3.100.000.000	3.100.000.000
Công ty CP Khanhca Concep		55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác		36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán		929.620.330	-	-	929.620.330	929.620.330
Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam		885.064.050	-	-	885.064.050	885.064.050
Công ty TNHH Quảng Cáo Đức Hùng		34.160.280	-	-	34.160.280	34.160.280
Golden Phoenix Media JSC		5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Minh		5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác		30.750.414.070	-	-	30.750.414.070	31.314.494.168
Ông Nguyễn Minh Dương		30.747.645.347	-	564.080.098	30.747.645.347	31.311.725.445
Đối tượng khác		2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
Cộng		34.871.297.172	-	-	34.871.297.172	35.435.377.270

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.702.982.487	4.268.493.343
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	158.334.358	34.029.161
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	1.605.403.157	1.244.956.261
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.939.244.972	2.989.507.921
Chi phí trả trước dài hạn	430.672.947	266.535.045
Chi phí trả trước dài hạn khác	430.672.947	266.535.045
Cộng	9.133.655.434	4.535.028.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2025	27.998.146.912	27.998.146.912
Mua trong năm	246.584.000	246.584.000
Tại 30/06/2025	28.244.730.912	28.244.730.912
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2025	26.076.211.829	26.076.211.829
Khấu hao trong năm	1.288.684.593	1.288.684.593
Tại 30/06/2025	27.364.896.422	27.364.896.422
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	1.921.935.083	1.921.935.083
Tại 30/06/2025	879.834.490	879.834.490

Tại ngày 30/06/2025, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 20.708.113.362 VND (tại ngày 01/01/2025 là 19.834.350.962 VND).

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	13.798.702.399	13.798.702.399
Tiền lãi phân bổ hàng kỳ	6.076.808.357	7.303.927.357
Cộng	20.000.000.000	21.227.119.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	52.252.467.787	1.815.342.400	93.139.404	44.677.500	54.205.627.091
Mua trong kỳ	389.976.921	-	-	-	389.976.921
Tại 30/06/2025	52.642.444.708	1.815.342.400	93.139.404	44.677.500	54.595.604.012
HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2025	48.410.901.560	1.714.686.995	88.083.852	44.677.500	50.258.349.907
Khấu hao trong kỳ	3.176.869.172	67.103.616	5.055.552	-	3.249.028.340
Tại 30/06/2025	51.587.770.732	1.781.790.611	93.139.404	44.677.500	53.507.378.247
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	3.841.566.227	100.655.405	5.055.552	-	3.947.277.184
Tại 30/06/2025	1.054.673.976	33.551.789	-	-	1.088.225.765

Tại ngày 30/06/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 45.881.894.491 VND (tại ngày 01/01/2025 là 34.180.957.491 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	514.354.194	266.176.411
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	526.642.367	396.915.544
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	32.828.128.530	32.828.128.530
Cộng	33.869.125.091	33.491.220.485

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 30/06/2025 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	19.085.790	18.181.819	37.267.609	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.599.729.882	43.833.548.512	42.471.829.047	5.961.449.347
- Các loại thuế khác	8.692.575	-	8.692.575	-
Cộng	4.627.508.247	43.851.730.331	42.517.789.231	5.961.449.347

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Hoa hồng hợp tác phải trả SCB	14.693.833.732	14.693.833.732
Chi phí phải trả khác	63.830.041	939.152.480
Cộng	14.757.663.773	15.632.986.212

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.065.468.757	4.070.275.087
Dự phòng phải trả các hợp đồng mua lại trái phiếu	691.117.320.000	710.998.047.900
Phải trả khác	2.054.870.666	2.116.254.779
Cộng	697.237.659.423	717.184.577.766

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	11.188.289.054	13.710.530.574
Cộng	11.188.289.054	13.710.530.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động vốn Chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	585.936.219.756	3.285.089.986.670
- Lỗi trong năm	-	-	-	(68.475.904.203)	(68.475.904.203)
31/12/2024	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	517.460.315.553	3.216.614.082.467
01/01/2025	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	517.460.315.553	3.216.614.082.467
- Lãi trong kỳ	-	-	-	20.236.047.464	20.236.047.464
30/06/2025	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	537.696.363.017	3.236.850.129.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Future Horizon (*)	252.125.000.000	252.125.000.000
Công ty CP Lumiform (*)	251.910.000.000	251.910.000.000
Công ty CP Minerva (*)	251.700.000.000	251.700.000.000
Công ty CP Minerva Heritage (*)	251.100.000.000	251.100.000.000
Ông Hồ Vĩnh Ni (*)	250.879.110.000	250.879.110.000
Bà Lâm Thị Hoà (*)	250.750.000.000	250.750.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Hạnh (*)	249.045.910.000	249.045.910.000
Bà Lâm Thị Thanh Tâm (*)	245.932.390.000	245.932.390.000
Bà Phan Thị Thanh Lan (*)	222.220.890.000	222.220.890.000
Ông Vương Quang Huy (*)	190.182.500.000	190.182.500.000
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	65.652.590.000	65.652.590.000
Ông Nguyễn Tiến Thành (*)	87.355.500.000	87.355.500.000
Các cổ đông khác	70.146.110.000	70.146.110.000
	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000

(*) Các cổ phiếu đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn theo Bản án hình sự phúc thẩm số 259/2025/HS-PT ngày 21/04/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm toàn bộ số lượng cổ phần đứng tên với tổng số lượng cổ phiếu là 241.584.580 cổ phiếu và 8.735.550 cổ phiếu của ông Nguyễn Tiến Thành bị ngăn chặn giao dịch.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	263.900.000	263.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	34.605.410.000	21.245.940.000
Cộng	34.605.410.000	21.245.940.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	1.375.513.240.000	1.497.088.140.000
Cộng	1.375.513.240.000	1.497.088.140.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.860.717.260.000	3.842.052.240.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	60.171.090.000	62.234.600.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	153.550.000.000	410.745.170.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	21.881.560.000	21.882.520.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	11.499.550.000	12.707.780.000
Cộng	4.107.819.460.000	4.349.622.310.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	26.041.930.000	27.352.930.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
Cộng	26.056.930.000	27.367.930.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	26.305.320.000	12.010.470.000
Cộng	26.305.320.000	12.010.470.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	19.636.590.000	9.700.290.000
Cộng	19.636.590.000	9.700.290.000

27. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	351.278.413.732	261.246.406.129
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	32.351.346.565	1.200.131.209
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	27.855.003.095	135.394.283
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	4.496.343.470	1.064.736.926
Cộng	383.629.760.297	262.446.537.338

28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	383.629.760.297	262.446.537.338
Cộng	383.629.760.297	262.446.537.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29.

LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ này	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ trước
	CK	VND	VND	VND	VND
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	621.052	17.446.800.800	16.157.375.122	1.289.425.678	327.854.581
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.500	1.947.450.000	1.592.345.386	355.104.614	1.002.820.000
Giấy tờ có giá	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	545.804	54.580.400.000	54.548.353.307	32.046.693	103.262.886
Cộng	1.175.356	73.974.650.800	72.298.073.815	1.676.576.985	1.433.937.467
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Giấy tờ có giá	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	5.081.451	80.458.190.000	84.158.042.268	(3.699.852.268)	(899.842.332)
Cộng	5.081.451	80.458.190.000	84.158.042.268	(3.699.852.268)	(899.842.332)

Lãi/Lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính FVTPL bao gồm 2 phần chính là:

Nội dung	Lợi nhuận	
	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL (bao gồm cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản tài chính này)	27.991.676.827	42.768.827.331
Lãi/lỗ thuần từ bán tài sản tài chính FVTPL	(2.023.275.283)	534.095.135
Tổng Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh TSTC FVTPL	25.968.401.544	43.302.922.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong kỳ VND	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong VND
I	Cổ phiếu	209.980.671.547	250.364.206.002	(15.946.963.578)	(1.077.910.760)
1	Cổ phiếu niêm yết	100.622.209.713	147.126.177.100	(15.857.063.578)	3.351.635.800
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	109.358.461.834	103.238.028.902	(89.900.000)	(4.429.546.560)
II	Trái phiếu	1.368.487.820.577	1.368.487.820.577	-	-
1	Trái phiếu chưa niêm yết	1.368.487.820.577	1.368.487.820.577	-	-
III	Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-
	Cộng	1.607.840.277.965	1.648.223.812.420	(15.946.963.578)	(1.077.910.760)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CỎ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	2.222.619.500	1.299.845.800
Từ tài sản tài chính FVTPL (tiền lãi trái phiếu)	25.769.057.327	41.468.981.531
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	1.395.561.380	-
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	12.962.485.584	14.741.819.281
Cộng	42.349.723.791	57.510.646.612

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	42.252.807.779	47.637.435.868
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	752.061.329	808.715.274
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.579.302.466	1.730.129.510
Cộng	44.584.171.574	50.176.280.652

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	366.861.210	860.203.340
Cộng	366.861.210	860.203.340

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí bán hàng (*)	5.436.685.736	5.238.698.547
Cộng	5.436.685.736	5.238.698.547

(*): Là các chi phí hoa hồng môi giới và chi phí phát triển thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	7.209.256.220	5.841.694.680
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	491.652.430	451.996.280
Chi phí vật tư văn phòng	23.318.406	32.879.212
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.041.506	60.122.764
Chi phí thuế, phí và lệ phí	26.907.879	51.476.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.476.674.299	1.954.857.203
Dự phòng/hoàn nhập phải trả hợp đồng trái phiếu	(19.880.727.900)	68.482.427.900
Chi phí khác	(199.609.895)	411.778.635
Cộng	(9.803.487.055)	77.287.233.433

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.713.805.944	(11.102.100.672)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(6.614.991.200)	28.596.040.829
- Các khoản điều chỉnh tăng	36.000.000	68.581.912.907
Thù lao HĐQT không chuyên trách	36.000.000	72.000.000
Chi phí dự phòng các hợp đồng mua lại trái phiếu	-	68.482.427.900
Chi phí không được trừ	-	27.485.007
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.650.991.200)	(39.985.872.078)
Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	14.869.052.818	(39.505.998.267)
Cổ tức nhận được	(2.222.619.500)	(1.299.845.800)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	1.077.910.760	1.925.551.279
Chi phí đã chịu thuế năm trước	-	(1.105.579.290)
Chi phí dự phòng	(20.375.335.278)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.098.814.744	17.493.940.157
Chuyển lỗ năm 2024 sang	(11.098.814.744)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	3.498.788.031
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.498.788.031

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	(2.522.241.520)	7.516.089.398
Cộng	(2.522.241.520)	7.516.089.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.236.047.464	(22.116.978.101)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	263.900.000	263.900.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	77	(84)

39. CÁC CAM KẾT, KINH DOANH TRÁI PHIẾU

Thuê hoạt động là các khoản thuê Văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ là 5.491.824.604 VND (kỳ trước là 5.590.314.751 VND).

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động thanh toán như sau:

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Trong vòng 1 năm	10.111.595.500	11.140.839.750
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	13.481.518.750	28.789.328.750
Cộng	23.593.114.250	39.930.168.500

Hoạt động mua lại Trái phiếu: Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và bán lại cho các nhà đầu tư. Sau đó, Công ty ký hợp đồng mua lại toàn bộ số Trái phiếu đó với nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Khi bán và mua lại Trái phiếu với nhà đầu tư, Công ty đang ghi nhận như hoạt động tự doanh. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 30/06/2025 là trên 8.638 tỷ đồng (tại 01/01/2025 là khoảng trên 10.002 tỷ đồng) đã đến hạn thanh toán. Tuy nhiên, hiện nay, Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các Bên chuyển nhượng là sẽ không thực hiện giao dịch này, đồng thời đang thực hiện đàm phán lại với các Bên chuyển nhượng về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành nhưng việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này và đã trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện được khoảng 691 tỷ đồng (số đã trích lập tại 01/01/2025 khoảng 711 tỷ đồng). Do đó các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.760.000.000	1.868.452.967
Thù lao Hội đồng Quản trị	204.000.000	204.000.000
Cộng	2.964.000.000	2.072.452.967

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Nguyễn Minh Tiến
Phó phòng Tài chính Kế toán



Trần Thị Cẩm Hạnh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025